

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Số CAS: Chưa có thông tin  
Số UN: Chưa có thông tin  
Số đăng ký EC: Chưa có thông tin  
Mã sản phẩm: VHP - 168

## PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

**Tên thường gọi:** Mỡ bôi trơn đa dụng gốc Lithium

**Tên thương mại:** Mỡ bôi trơn đa dụng MP Grease L00, Mỡ bôi trơn đa dụng MP Grease L0

**Tên khác** (không là tên khoa học): Không xác định

**Tên nhà sản xuất:**  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU VHP  
Km 45- Quốc Lộ 5A – Thị trấn Lai  
Cách – Huyện Cẩm Giàng – Tỉnh Hải  
Dương

**Liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:**  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU VHP  
Km 45- Quốc Lộ 5A – Thị trấn Lai Cách –  
Huyện Cẩm Giàng – Tỉnh Hải Dương  
Tel: 0220-3785988 - Fax: 0220-3782283

**Tên nhà sản xuất và địa chỉ:** CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU VHP  
Km 45- Quốc Lộ 5A – Thị trấn Lai Cách – Huyện Cẩm Giàng – Tỉnh Hải Dương

**Mục đích sử dụng:** Bôi trơn các vòng bi, gối đỡ, các chi tiết trong xe cơ giới vận tải và công nghiệp ...

## PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Highly refined mineral oil (C15 - C50)	Mixture		> 80
Lithium 12-hydroxystearate	7620-77-1		5-15
Boronized Polyisobutylene Succinimide	67762-72-5		< 5

Sản phẩm này không chứa bất kỳ một thành phần nguy hiểm nào tại ngưỡng hay trên ngưỡng quy định

## PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

**1. Mức xếp loại nguy hiểm:** Không phân loại

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS( Hệ thống hợp tác toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất)

Từ Cảnh báo: không có từ cảnh báo

Các Biện pháp phòng ngừa: xem mục VIII

**2. Cảnh báo nguy cơ:**

- Khi tiếp xúc: Không nguy hiểm trong điều kiện sử dụng bình thường. Hạn chế tiếp xúc với hơi dầu. Tiếp xúc thường xuyên và kéo dài có thể bị viêm da.
- Cháy, nổ: Không thuộc phân loại dễ cháy nổ nhưng sẽ cháy.
- Ảnh hưởng đến môi trường: Khó phân hủy bằng vi sinh.
- Thông tin khác: Không thuộc phân loại nguy hiểm trong khi cung cấp và vận chuyển

**3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng:**

- **Đường mắt:** Có thể gây dị ứng mắt
- **Đường thở:** Nếu hít phải hơi dầu có thể gây dị ứng hô hấp nhẹ
- **Đường da:** Có thể gây dị ứng da
- **Đường tiêu hóa:** Không xác định

Sản phẩm này không được xếp vào dạng sản phẩm độc hại theo như quy định Directive 1999/45/EC đưa ra.

**PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN**

**1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):**

Trong trường hợp sản phẩm tiếp xúc với mắt, rửa mắt ngay bằng nhiều nước ít nhất 15 phút. Nếu xảy ra hiện tượng đỏ rát, phải đi khám mắt.

**2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):**

Rửa chỗ tiếp xúc ngay bằng nước và xà phòng. Thay quần áo, giày dép đã dính dầu. Đi khám nếu thấy hiện tượng kích ứng da

**3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp :**

Nếu hít phải thì làm sạch bằng không khí sạch. Tham khảo ý kiến của các chuyên gia y tế nếu có dấu hiệu bất thường xảy ra.

**4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa:**

Không cố nôn ra trừ khi có sự hướng dẫn của cán bộ y tế. Đưa nạn nhân đi cấp cứu kịp thời.

**5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có):** Không xác định, việc điều trị chủ yếu là về mặt triệu chứng nhằm giảm nhẹ bất cứ ảnh hưởng nào.

**PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY**

- 1. Xếp loại về tính cháy:** Không thuộc phân loại dễ cháy nổ nhưng sẽ cháy.
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Khói, carbon monoxide, carbon dioxide, aldehydes và các chất khác của sự cháy không hết. Hydrogen sulfide và alkyl mercaptans và sulfides có thể cũng thoát ra. Dưới điều kiện cháy, ô-xit của các chất sau có thể tạo thành: phosphorus, sulfur, zinc.
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ :** tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát.
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:**  
 Trong trường hợp cháy, dùng bột hoặc hơi nước, chất dập lửa carbon dioxide. Đất và cát chỉ sử dụng cho các đám cháy nhỏ.
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Sử dụng trang thiết bị bảo hộ thích hợp. Có thể sử dụng mặt nạ phòng độc khi tham gia chữa cháy ở vị trí đặc biệt.
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có):** Không xác định. Dễ dàng cháy đối với hỗn hợp không khí và chất lỏng và hơi bao gồm CO, SO và các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

## **PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, RỖ RỈ**

### **1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:**

Thấm chất lỏng bằng cát hoặc đất. Dùng xẻng hót và đổ vào thùng chứa chất thải và tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

### **2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:**

Ngăn sự tràn dầu bằng thiết bị ngăn thích hợp cùng với cát, đất hoặc vật liệu khác. Thu hồi dầu trực tiếp hoặc bằng vật liệu hấp thụ.

## **PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN**

**1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...): Cần thiết phải tiến hành kiểm tra độ an toàn của các qui trình và thiết bị tồn chứa, tranh bị rò rỉ, đổ, tràn.

**2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...):

- Bảo quản ở nơi mát, khô và thoáng gió. Phương tiện chứa phải kín và có nhãn để dễ dàng nhận biết. Tránh ánh nắng trực tiếp, nguồn nhiệt và các hóa chất ô xy hóa mạnh.
- Nhiệt độ bảo quản: Từ 0 đến 50°C
- Sử dụng thùng thép hoặc nhựa polyethylen dày để chứa đựng. Không sử dụng thùng chứa làm từ nhựa PVC.

## **PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN**

**1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết:**

Áp dụng các biện pháp kiểm tra phù hợp khi làm việc như thông thoáng để giảm nồng độ hơi

**2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc:**

- Bảo vệ mắt: Mang kính bảo hộ bảo vệ khi có nguy cơ bị bắn tóe dầu.
- Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ lao động.
- Bảo vệ tay: Đeo găng tay cao su hoặc nhựa PVC
- Bảo vệ chân: Sử dụng giày, ủng bảo hộ.

**3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:**

- Người làm công tác ứng cứu sự cố tràn dầu, cứu hỏa phải được trang bị các trang phương tiện và thiết bị chuyên dụng khi tiếp cận và giải quyết sự cố

**4. Các biện pháp vệ sinh:**

- Rửa tay sau khi tiếp xúc với sản phẩm và trước khi ăn, hút thuốc, chùi rửa mặt và cuối giờ làm việc.
- Thay quần áo bảo hộ và đồ lót thường xuyên

**PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ**

<b>Trạng thái vật lý</b>	<b>Điểm sôi (<sup>0</sup>C):</b> không có thông tin
<b>Màu sắc:</b> Mỡ mịn màu vàng nâu	<b>Điểm chảy (<sup>0</sup>C):</b> nhiệt độ nhỏ giọt: không xác định
<b>Mùi đặc trưng:</b> mùi dầu đặc trưng	<b>Điểm bùng cháy (<sup>0</sup>C),</b> không xác định
<b>Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:</b> Chưa có thông tin	<b>Nhiệt độ tự cháy (<sup>0</sup>C):</b> không xác định
<b>Tỷ trọng hơi</b> (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không xác định	<b>Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí):</b> Không xác định
<b>Độ hòa tan trong nước:</b> Không tan trong nước	<b>Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí):</b> Không xác định
<b>Độ PH:</b> 7-8	<b>Tỷ lệ hoá hơi:</b> Không xác định
<b>Khối lượng riêng:</b> Tùy từng loại sản phẩm	<b>Độ nhớt:</b> Không xác định

**PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG**

**1. Tính ổn định** (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định ở điều kiện nhiệt độ và môi trường bình thường .

**2. Khả năng phản ứng:**

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm không hình thành trong quá trình tồn chứa
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh)
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...)
- Phản ứng trùng hợp: Sẽ không xảy ra.

### PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
<b>Lithium – 12 hydrostearate</b>	<b>LD50&gt;5000 mg/kg</b>	-	<b>Đường tiêu hóa</b>	<b>Chuột</b>
	<b>Không xác định</b>	-	<b>Đường thở</b>	<b>Chuột</b>
	<b>Không xác định</b>	-	<b>Tiếp xúc với da</b>	<b>Thỏ</b>

#### 1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...):

- Không gây các ảnh hưởng mãn tính

#### 2. Các ảnh hưởng độc khác: Không xác định

### PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

- Không gây ảnh hưởng xấu cho sinh thái. Thông tin được đưa ra dựa trên kiến thức về thành phần và tính chất gây hại đối với sinh thái của các sản phẩm tương tự.
- Mức độ phân hủy sinh học: Không dễ bị phân hủy sinh học. Thành phần cấu tạo chủ yếu có thể vốn là dễ phân hủy sinh học nhưng sản phẩm chứa thành phần chống lại tác động của môi trường.
- Chỉ số BOD và COD: Không xác định
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Không xác định
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không xác định

### PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

Việc tiêu hủy phải tuân theo quy trình và tiêu chuẩn chung về tiêu hủy hóa chất theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho người và môi trường.

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Nếu có thể thu hồi dầu thải tái sinh dầu theo qui định về môi trường .
2. Biện pháp tiêu hủy: Như xử lý dầu mỡ thải
3. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Làm rỗng dụng cụ chứa bằng cách xả hết hoàn toàn, đậy nắp chặt và thải bỏ theo qui định đảm bảo an toàn môi trường.

#### **PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN**

- Không được xếp vào loại độc hại khi vận chuyển ADR/RID, UN,IMO,LATA/ ICAO
- Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ theo Nghị định số 104/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/11/2009.
- Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa theo Nghị định số 29/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/03/2005.

## **PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP**

1. **Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới:** Liên hợp quốc, EC, Các tổ chức quốc tế Mỹ, Anh, Hàn Quốc... về sản xuất, kinh doanh, vận tải sản phẩm dầu mỏ đã có quy định pháp lý về khai báo MSDS.
2. **Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:** Sản phẩm này không thuộc phân loại nguy hiểm theo điều lệ của EU.

## **PHẦN XVI. THÔNG TIN KHÁC**

1. **Ngày tháng biên soạn phiếu:** Ngày 15 tháng 09 năm 2019
2. **Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo:** Công ty CP Hóa Dầu VHP

### **LƯU Ý NGƯỜI ĐỌC:**

- Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
- Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.
- Các dữ liệu và lời khuyên được đưa ra khi sản phẩm được bán để sử dụng cho một mục đích cụ thể. Không nên sử dụng sản phẩm cho mục đích khác mà không tham khảo ý kiến của VHP JSC
- Trách nhiệm của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn tuân theo tất cả các quy định. VHP JSC sẽ không có trách nhiệm về bất cứ tai nạn gây ra do việc sử dụng sản phẩm sai với những khuyến cáo hoặc những tai nạn thuộc về bản chất của loại sản phẩm này. Người mua sản phẩm để cung cấp cho nơi sử dụng có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ người nào sử dụng đều được cung cấp đầy đủ thông tin có trong tờ thông tin an toàn này.
- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho người lao động hoặc những người có thể chịu những ảnh hưởng đưa ra trong tờ thông tin này và những chú ý cần thiết.